TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CR
THÀNH PHỐ CT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/HNST.
Ngày: 26/02/2024.
V/v: "*Tranh chấp ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CR, THÀNH PHỐ CT

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Bà **Huỳnh Thị Kim Xuân**.

***Các Hội thẩm nhân dân*:** Ông **Lê Văn Thành**.

Ông **Nguyễn Thanh Tùng**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Hạnh Nhung** – Thư ký Tòa án nhân dân quận CR, thành phố CT.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận CR, thành phố CT: Bà **Võ Thị Nhu** – kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận CR, thành phố CT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 308/2023/TLST- HNGĐ, ngày 08 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp "***Ly hôn***" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXX-ST, ngày 01 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Phương L**, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: 12/4A, khu vực YT, phường LB, quận CR, thành phố CT. (Có mặt).

Bị đơn: Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: 12/4A, khu vực YT, phường LB, quận CR, thành phố CT. (Có đơn yêu cầu vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- ***Nguyên đơn bà Phạm Thị Phương L trình bày và yêu cầu***: Nguyên đơn và bị đơn quen biết nhau từ năm 1988, tìm hiểu được khoảng 01 năm thì tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn CR, huyện CT, tỉnh HG và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23/89, quyển số 03 ngày 24/03/1989. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên tranh cãi và từ đó tình cảm vợ chồng cũng ngày càng phai nhạt nên không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Do mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã không còn nên không thể tiếp tục chung sống với nhau được

nữa vì mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

- *Về con chung*: Có 02 con chung là Nguyễn Hoàng N (nữ), sinh ngày 03/4/1990 và Nguyễn Quang K (nam), sinh ngày 01/10/1996. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Thanh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để trình bày và cũng không có bất kỳ văn bản ý kiến nào gửi cho Tòa án xem xét. Tuy nhên, vào ngày 22/01/2024 Tòa án có nhận được đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt của ông Nguyễn Thanh T nhưng ông T không có gửi văn bản ý kiến để Tòa án xem xét.

Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau nên đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kiên quyết ly hôn.

* Phía bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

* *Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa*: Việc thụ lý vụ án của tòa án là đúng thẩm quyền, về tư cách tham gia tố tụng, việc hòa giải, việc xét xử vắng mặt đương sự và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng trình tự luật định. Về nội dung vụ án thì nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra lại tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 mới đưa vụ án ra xét xử công khai. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù bị đơn không đến Tòa án để tham dự phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng có gửi đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Xét về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Nay nguyên đơn có yêu cầu ly hôn với bị đơn thì đây là loại tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận CR, thành phố CT theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét về quan hệ hôn nhân*: Giữa nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23/89, quyển số 03, ngày 24/03/1989 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng đã không còn. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có nhận được các Thông báo hòa giải của Tòa án nhưng không đến để tham dự phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải mà lại gửi đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Từ đó, cho thấy bị đơn cũng không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để được đoàn tụ lại. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Phạm Thị Phương L là có cở sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Có 02 con chung là Nguyễn Hoàng N (nữ), sinh ngày 03/4/1990 và Nguyễn Quang K (nam), sinh ngày 01/10/1996. Con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét và giải quyết.

[5] *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[6] *Về nợ chung*: Nguyên đơn khai không có, không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[7] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0003108 ngày 04/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận CR thành án phí. Không ai phải nộp thêm.

[8] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các điều 28; 35; 39; 147; 227, 228; 266; 271; 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các điều 51, điều 53 điều 56 và điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Phương L.*

2. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Phạm Thị Phương L được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

3. *Về con chung*: Có 02 con chung là Nguyễn Hoàng N (nữ), sinh ngày 03/4/1990 và Nguyễn Quang K (nam), sinh ngày 01/10/1996. Con chung đã trưởng thành nên không giải quyết.

4. *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

5. *Về nợ chung*: Nguyên đơn khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

6. *Về án phí:* Nguyên đơn bà Phạm Thị Phương L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà Loan đã nộp theo biên lai thu số 0003108 ngày 04/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận CR thành án phí. Không ai phải nộp thêm.

7. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Kim Xuân

Nơi nhận:
- TAND. TP. CT.
- VKSND.Q.CR.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA